






## Tóm tắt nội dung chính

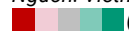
Báo cáo hàng tháng tóm tắt những quan sát và phân tích của chúng tôi về những diễn biến chính trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Dưới đây là tiêu điểm trong tháng dành cho tổ chức phát hành (TCPH) và nhà đầu tư TPDN.

Tháng 09/2024 là tháng đầu tiên kể từ tháng 10/2021 không ghi nhận trường hợp chậm trả phát sinh mới nào. Tỷ lệ trái phiếu chậm trả lũy kế tiếp tục xu hướng giảm kể từ Q1 2024, tính đến 30/09/2024 đang ở mức 14.8% trên tổng giá trị TPDN lưu hành. TPDN phát hành mới trong tháng 09/2024 đạt 55.9 nghìn tỷ đồng, tổng tính từ đầu năm đạt 334 nghìn tỷ đồng ngang với tổng cả năm 2023. Tỷ lệ vòng quay TPDN trên thị trường thứ cấp (giá trị giao dịch/tổng giá trị lưu hành) tăng lên mức 9% so với mức 8% trong tháng trước.

**Hình 1: Những xu hướng chính trong tháng 9/2024**

TIÊU ĐIỂM	XU HƯỚNG	NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT
 <b>Chậm trả gốc/lãi lần đầu</b>	<b>Giảm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không có trái phiếu chậm trả phát sinh mới được ghi nhận trong tháng 09/2024</li> <li>Tỷ lệ chậm trả toàn thị trường đến cuối tháng 9/2024 là 14.8%, giảm so với mức 14.9% cuối tháng 8/2024.</li> </ul>
 <b>Tình hình xử lý TPDN chậm trả</b>	<b>Tăng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 10 TCPH đã thanh toán một phần/hoặc toàn bộ dư nợ gốc trái phiếu chậm trả với tổng giá trị là 781 tỷ đồng.</li> <li>Tỷ lệ thu hồi nợ gốc chậm trả tăng lên mức 21.2% nhờ sự cải thiện ở các nhóm ngành Bất động sản Nhà ở và Xây dựng.</li> </ul>
 <b>TPDN sắp đáo hạn có rủi ro cao</b>	<b>Ổn định</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chúng tôi ước tính trong số 15.3 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn trong tháng 10/2024, có khoảng 420 tỷ đồng trái phiếu có rủi ro cao không trả được nợ gốc đúng hạn.</li> <li>Trong 12 tháng tới, chúng tôi ước tính 42 nghìn tỷ đồng trong số 240 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn là những trái phiếu có rủi ro cao chậm trả nợ gốc đến hạn.</li> </ul>
 <b>Phát hành mới</b>	<b>Giảm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lượng phát hành mới trong tháng 9/2024 là 55.9 nghìn tỷ đồng, thấp hơn so với mức 63 nghìn tỷ phát hành mới trong tháng 8/2024.</li> <li>Trong số 334 nghìn tỷ đồng phát hành mới từ đầu năm đến nay, 72% trong số đó được phát hành bởi khối Ngân hàng.</li> </ul>
 <b>Thị trường thứ cấp</b>	<b>Tăng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ vòng quay TPDN trên thị trường thứ cấp tăng nhẹ trong tháng 9/2024.</li> <li>Trong tháng 9/2024, khoảng 80% giá trị giao dịch thuộc nhóm ngành Ngân hàng và Bất động sản có kỳ hạn còn lại từ 1 – 3 năm.</li> </ul>

Nguồn: Vietnam Investors Service

 (\*) Màu sắc đậm nhạt thể hiện mức độ từ tiêu cực đến tích cực của các xu hướng

### LIÊN HỆ

Trần Quốc Thắng, MBA  
 Chuyên viên phân tích  
[thang.tran@visrating.com](mailto:thang.tran@visrating.com)

Nguyễn Lý Thanh Lương, CFA, ACCA, FVMA  
 Trưởng nhóm phân tích  
[luong.nguyen@visrating.com](mailto:luong.nguyen@visrating.com)

Nguyễn Đình Duy, CFA  
 Chuyên gia phân tích cao cấp  
[duy.nguyen@visrating.com](mailto:duy.nguyen@visrating.com)

Simon Chen, CFA  
 Giám đốc Xếp hạng và nghiên cứu  
[simon.chen@visrating.com](mailto:simon.chen@visrating.com)



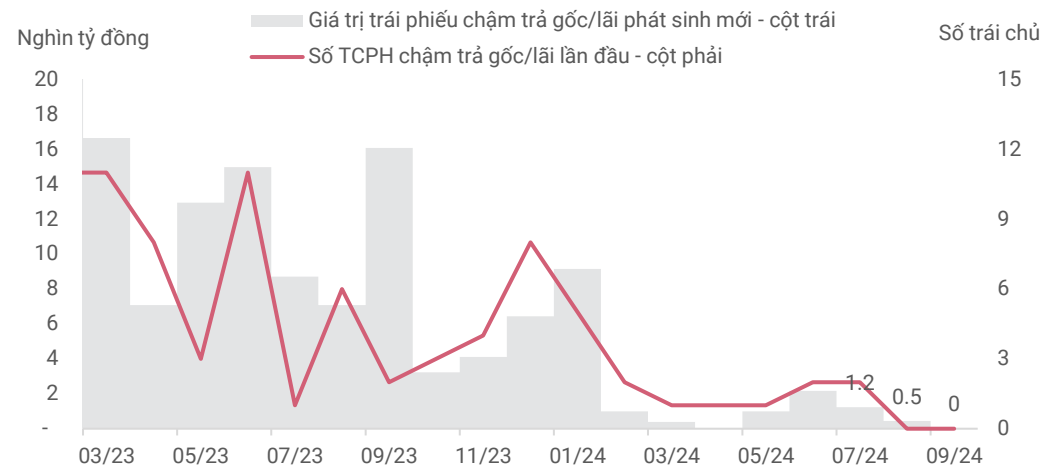
<https://visrating.com>

## Chậm trả gốc/lãi lần đầu

Không có trái phiếu chậm trả phát sinh mới trong tháng 09/2024, tỷ lệ chậm trả lũy kế tiếp tục giảm

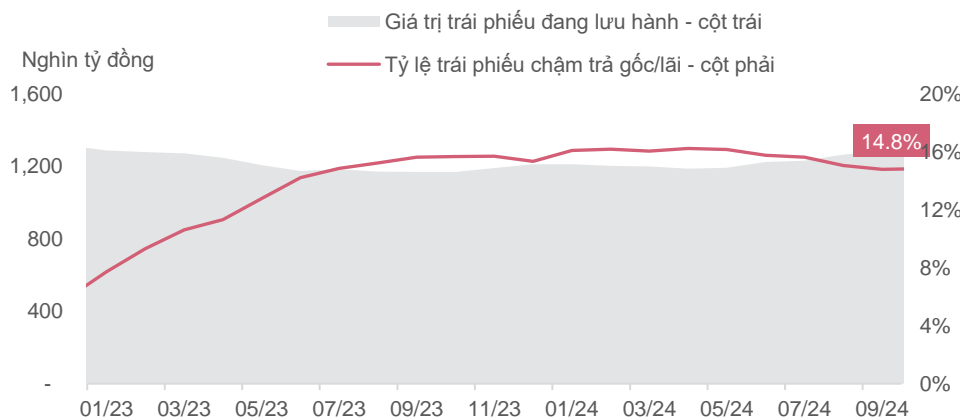
- Tháng 09/2024 là tháng đầu tiên kể từ tháng 10/2021 không có trái phiếu chậm trả phát sinh mới nào được ghi nhận.
- Trong Q3/2024, tổng giá trái phiếu chậm trả phát sinh mới là 1,7 nghìn tỷ đồng, thấp hơn mức trung bình của bốn quý gần nhất là 14,9 nghìn tỷ đồng.
- Tỷ lệ chậm trả lũy kế vào cuối tháng 09/2024 đã giảm nhẹ xuống còn 14,8% từ mức 14,9% của tháng trước. Khoảng 62% giá trị chậm trả lũy kế đến từ nhóm Bất động sản Nhà ở, với tỷ lệ chậm trả lũy kế là 30%.

### Hình 2: Trái phiếu chậm trả phát sinh mới theo tháng



Nguồn: Vietnam Investors Service

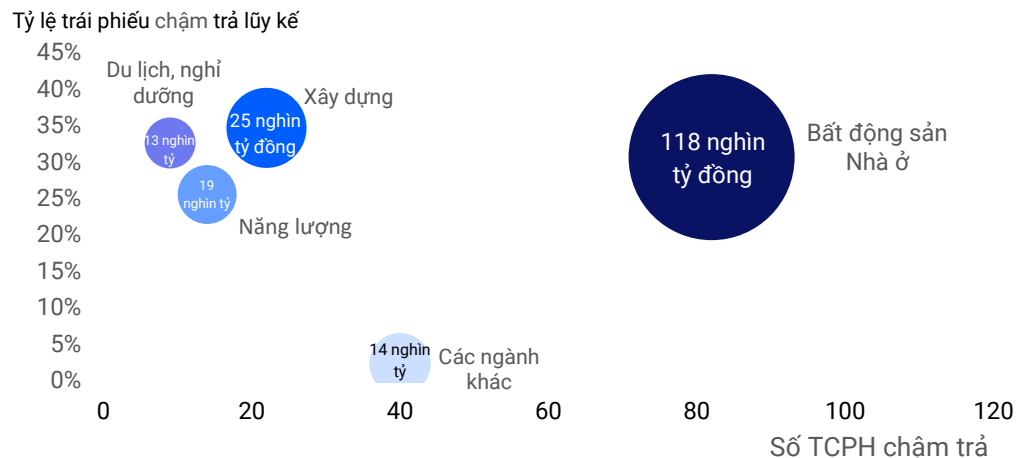
### Hình 3: Tỷ lệ trái phiếu chậm trả và giá trị TPDN đang lưu hành



Ghi chú: Giá trị trái phiếu đang lưu hành, bao gồm cả các trái phiếu đã từng vi phạm chậm trả và đã quá ngày đáo hạn nhưng chưa công bố hoàn thành trả đủ gốc/lãi cho trái chủ.

Nguồn: Vietnam Investors Service

### Hình 4: Lượng trái phiếu chậm trả theo các nhóm ngành



Ghi chú: Kích thước hình tròn thể hiện quy mô giá trị mệnh giá trái phiếu chậm trả lũy kế từ tháng 4/2022

Nguồn: Vietnam Investors Service

**Hình 5: Danh sách trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 9/2024**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo trên HNX	Chậm trả	Lần đầu TCPH chậm trả gốc/lãi	Dư nợ gốc chậm trả (tỷ đồng)	Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành của TCPH (tỷ đồng)
---------------	-------------------	-------	--------------------------------	----------------	--------------	------------------------	--------------------	-------------------	-------------------	----------------	-----------------------	-------------------------	----------	-------------------------------	---------------------------------	-----------------------------------------------------------

Không có trái phiếu chậm trả lần đầu công bố trong tháng 9/2024

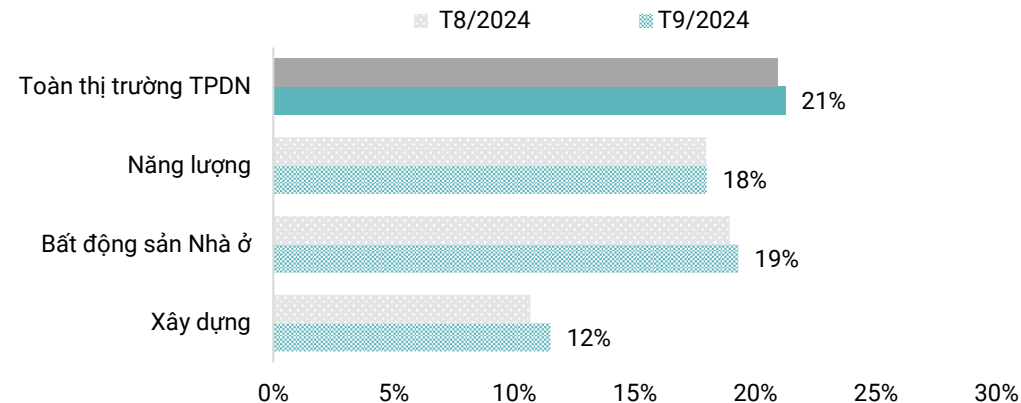
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

## Xử lý TPDN chậm trả

Trong tháng 09/2024, dư nợ nợ gốc chậm trả 781 tỷ đồng đã được thanh toán cho các trái chủ, nâng tỷ lệ thu hồi chậm trả lên 21.2%

- Trong tháng 09/2024, 10 TCPH chậm trả thuộc các lĩnh vực Bất động sản Nhà ở, Năng lượng và Xây dựng đã hoàn trả tổng cộng 781 tỷ đồng tiền gốc cho các trái chủ. 70% giá trị hoàn trả đến từ các công ty thuộc nhóm ngành Bất động sản Nhà ở, bao gồm Công ty TNHH Saigon Glory (Saigon Glory) và CTCP Đầu tư Hải Phát.
- Saigon Glory đã hoàn trả 448 tỷ đồng gốc cho các trái chủ trong tháng 09/2024. Tính từ đầu năm, TCPH này đã hoàn trả 1,341 tỷ đồng. Sau đợt thanh toán này, dư nợ gốc trái phiếu của TCPH này là 8.7 nghìn tỷ đồng. Theo như thông tin được công bố, Tập đoàn Bitexco, công ty mẹ của Saigon Glory có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của công ty cho Công ty TNHH Bất động sản Phương Đông Hà Nội (Phương Đông Hà Nội). Phương Đông Hà Nội cam kết hoàn trả nghĩa vụ nợ trái phiếu cho các trái chủ theo như điều khoản và điều kiện trái phiếu hiện tại.
- Tỷ lệ thu hồi chậm trả của các trái phiếu chậm trả đã tăng 0.3% lên 21.2% vào cuối tháng 09/2024.

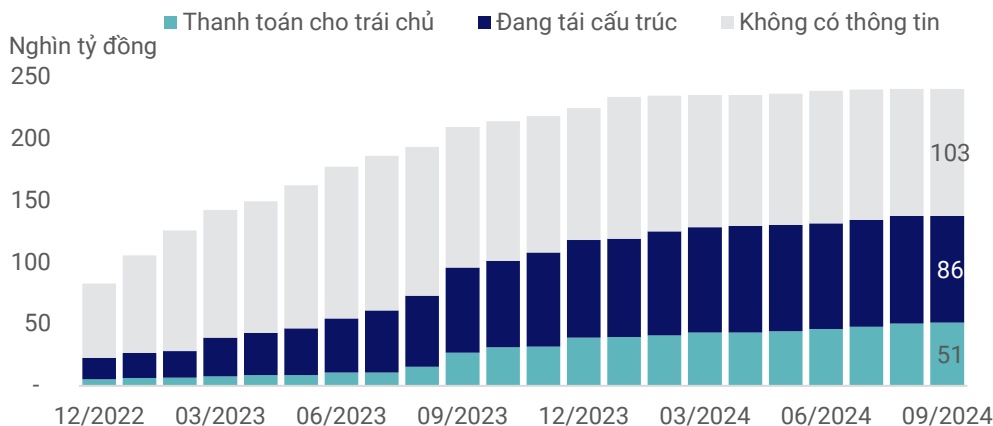
**Hình 6: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo nhóm ngành**



Ghi chú: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả dựa vào số liệu hoàn trả gốc trái phiếu đã chậm trả, bao gồm cả các trường hợp đã trả một phần gốc trái phiếu và đang tiếp tục tái cấu trúc nợ

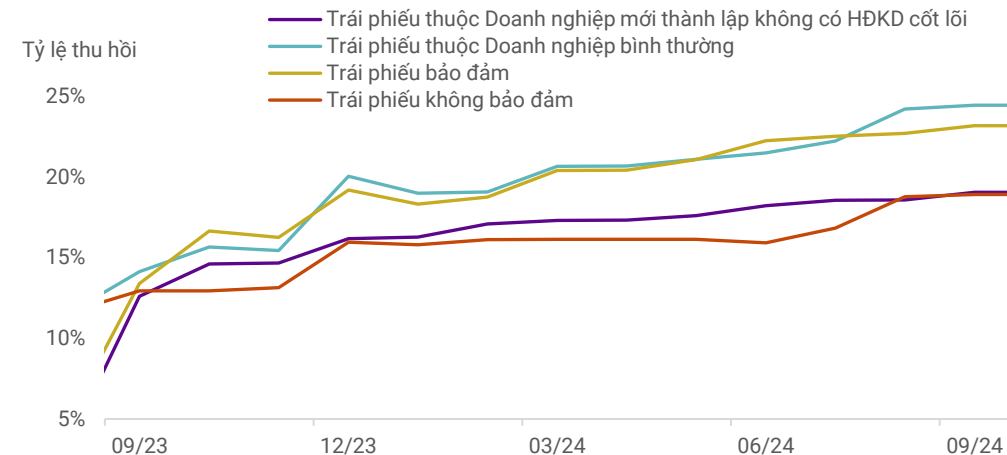
Nguồn: Vietnam Investors Service

**Hình 7: Tình hình tái cấu trúc nợ của trái phiếu chậm trả gốc/lãi**



Nguồn: Vietnam Investors Service

**Hình 8: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo loại hình doanh nghiệp/trái phiếu**



Ghi chú: Doanh nghiệp mới thành lập không có HĐKD cốt lõi và có nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh hạn chế

Nguồn: Vietnam Investors Service

## Hình 9: Các hoạt động tái cấu trúc trái phiếu chậm trả được công bố trong tháng 9/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày bắt đầu chậm trả gốc/lãi	Chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo tái cấu trúc trên HNX	Loại hình tái cấu trúc	Giá trị gốc đã trả (tỷ đồng)	Giá trị còn lại sau tái cấu trúc (tỷ đồng)
NPECH2126001	CTCP Đầu tư năng lượng Nam Phương	Năng lượng	450	23-08-21	23-03-26	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.3% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.7%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVS	23-08-23	Lãi	10-09-24	Trả bằng tiền	22	428
HSC.H.20.23.001	CTCP Đầu tư năng lượng Hoàng Sơn	Năng lượng	500	25-12-20	25-12-25	Cố định – 3 tháng	10.30%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-12-23	Gốc	9-09-24	Trả bằng tiền	43	457
BBPH.20.23.001	CTCP BB Power Holdings	Bất động sản Nhà ở	400	24-12-20	25-03-25	Cố định – 3 tháng	10.30%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	24-12-23	Gốc	9-09-24	Trả bằng tiền	33	367
BBSPH.20.23.001	CTCP BB Sunrise Power	Năng lượng	500	22-12-20	22-12-25	Cố định – 3 tháng	10.30%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	22-12-23	Gốc	9-09-24	Trả bằng tiền	23	477
NPECH2128002	CTCP Đầu tư năng lượng Nam Phương	Năng lượng	900	26-11-21	26-03-26	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.7%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	28-08-23	Lãi	10-09-24	Trả bằng tiền	42	858
SSHCH2123001	CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	Xây dựng	2,400	10-09-21	10-09-25	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	10-09-23	Gốc	12-09-24	Trả bằng tiền	1,189	1,211
HPXH2124009	CTCP Đầu tư Hải Phát	Bất động sản Nhà ở	250	25-11-21	25-11-24	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 10.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4%	Ưu tiên	Có bảo đảm	BVS	15-12-23	Lãi	20-09-24	Trả bằng tiền	68	183
NTDCH2227001	Công ty TNHH NOVA Thảo Điện	Bất động sản Nhà ở	2,300	5-09-22	5-09-27	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.4%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	5-03-23	Lãi	24-09-24	Hoán đổi tài sản	215	2,085
SGL-2020.01	Công ty TNHH Saigon Glory	Bất động sản Nhà ở	1,000	12-06-20	12-06-25	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	12-06-23	Gốc	27-09-24	Trả bằng tiền	297	703
SGL-2020.02	Công ty TNHH Saigon Glory	Bất động sản Nhà ở	1,000	18-06-20	18-06-25	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	18-06-23	Gốc	27-09-24	Trả bằng tiền	298	702
SGL-2020.04	Công ty TNHH Saigon Glory	Bất động sản Nhà ở	1,000	28-07-20	28-07-25	Cố định – 3 tháng	11.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	28-07-23	Gốc	27-09-24	Trả bằng tiền	50	950
SGL-2020.03	Công ty TNHH Saigon Glory	Bất động sản Nhà ở	1,000	22-06-20	22-06-25	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	22-06-23	Gốc	27-09-24	Trả bằng tiền	299	701
HPXH2123008	CTCP Đầu tư Hải Phát	Bất động sản Nhà ở	250	28-10-21	28-10-24	Cố định – 3 tháng	11.00%	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	28-04-23	Lãi	30-09-24	Trả bằng tiền	96	154
30122017-01	CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Bất động sản Nhà ở	134	30-12-17	30-12-22	Cố định – 6 tháng	10.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	BID	30-12-22	Gốc	2-10-24	Trả bằng tiền	64	70
NVLH2123009	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản Nhà ở	1,000	12-08-21	12-02-23	Cố định – 6 tháng	10.50%	Ưu tiên	Có bảo đảm	NVS	14-02-23	Gốc	25-09-24	Hoán đổi tài sản	250	750
BNPCH2123002	CTCP Bất động sản BNP Global	Bất động sản Nhà ở	2,100	4-10-21	4-06-23	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.9%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	4-06-23	Gốc	3-10-24	Trả bằng tiền	893	1,207

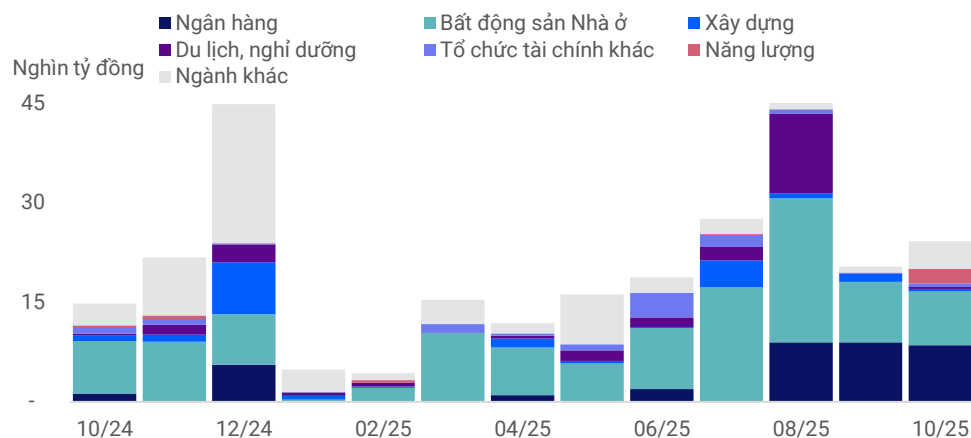
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

## TPDN sắp đáo hạn có rủi ro cao

47% giá trị trái phiếu rủi ro cao trong 12 tháng sắp tới từ các công ty trong nhóm ngành Bất động sản Nhà ở

- Trong tháng 10/2024, tổng giá trị trái phiếu đáo hạn khoảng 15.3 nghìn tỷ đồng, thấp hơn so với tháng trước là 24.5 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi dự kiến trong số các trái phiếu đáo hạn vào tháng 10/2024, có 8 trái phiếu với tổng mệnh giá lưu hành là 420 tỷ đồng có nguy cơ chậm trả nợ gốc. Trong số những trái phiếu này, có 6 trái phiếu đã chậm trả coupon trước đó. Ngoài ra có 2 trái phiếu của 2 TCPH với tình hình tài chính yếu kém và đã có lịch sử chậm trả đối với trái phiếu khác.
- Trong vòng 12 tháng tới, có khoảng 45% trong số 245 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn thuộc nhóm ngành Bất động sản Nhà ở. Chúng tôi ước tính 42 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn trong thời gian này có nguy cơ chậm trả nợ gốc phát sinh mới. Trong số này, 47% lượng trái phiếu thuộc nhóm ngành bất động sản Nhà ở.

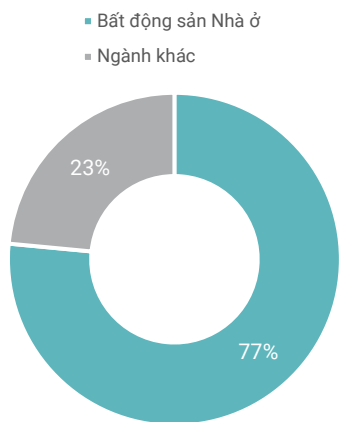
Hình 10: Lượng trái phiếu đáo hạn hàng tháng theo nhóm ngành



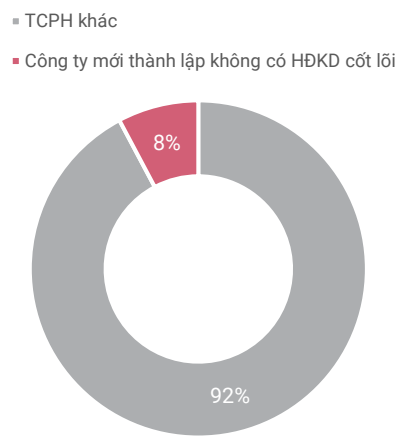
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 11: Trái phiếu có rủi ro cao trong tháng 10/2024 theo nhóm ngành và theo loại hình doanh nghiệp

Trái phiếu rủi ro cao theo nhóm ngành



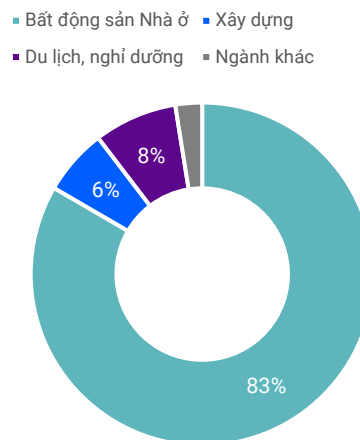
Trái phiếu rủi ro cao theo loại hình doanh nghiệp



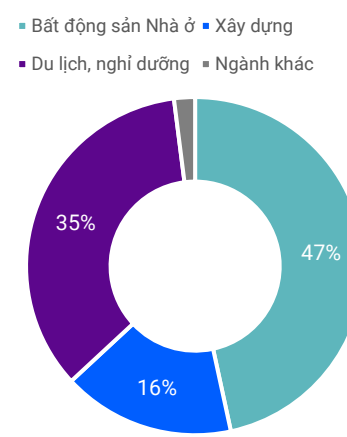
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 12: Lượng trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới theo nhóm ngành

Trái phiếu đã chậm trả gốc, lãi



Trái phiếu có rủi ro cao



Ghi chú: Trái phiếu đã chậm trả gốc, lãi là trái phiếu đã từng chậm trả lãi hoặc chậm trả gốc nhưng đã được chấp thuận gia hạn kỳ hạn trả gốc trái phiếu

Nguồn: Vietnam Investors Service

### Hình 13: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 10/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	Doanh nghiệp mới thành lập không có HDKD cốt lõi	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất*
DVRCH2124001	Công ty TNHH Đầu tư và Bất động sản Diên Vĩ	Bất động sản Nhà ở	300	1-Oct-21	1-Oct-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	VPBS	300	636	Không	1-11-23	-72	1,098	1.67	T6-24
ABBL2325003	Ngân hàng TMCP An Bình	Ngân hàng	1,000	2-Oct-23	2-Oct-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VSDC	1,000	7,300	Không	Không	419	13,412	10.35	T6-24
SSBH2124004	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ngân hàng	500	7-Oct-21	7-Oct-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	500	4,050	Không	Không	2,583	32,769	7.56	T6-24
SVNCH2124001	CTCP Kinh doanh Bất động sản S - Việt Nam	Bất động sản Nhà ở	2,500	7-Oct-21	7-Oct-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	HDBS	2,500	2,500	Không	7-10-23	1.4	1,004	4.71	T6-24
APRCB2124001	CTCP Vật tư nông sản	Bán lẻ và Bán buôn	150	8-Oct-21	8-Oct-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	VCBS	150	150	Không	Không	-11	489	3.26	T6-24
TTCCH2124003	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	Sản phẩm nông nghiệp	300	8-Oct-21	8-Oct-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	MAS	147	1,412	Không	Không	44	3,715	1.4	23-Jun
MB.BOND.2017.7Y.07	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	100	10-Oct-17	10-Oct-24	Thứ cấp	Không bảo đảm	MBS	80	30,650	Không	Không	10,726	104,214	8.49	T6-24
BONDS2024	Công ty tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Tổ chức tài chính khác	1,000	10-Oct-19	10-Oct-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VCBS	1,000	1,000	Không	Không	2,524	32,271	5.34	T6-24
GEG121022	CTCP Điện Gia Lai	Cung cấp nước và xử lý chất thải	700	11-Oct-21	11-Oct-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCSC	682	1,347	Không	Không	128	5,870	1.74	T6-24
DHACH2124001	Công ty TNHH MTV Đầu tư DHA	Bất động sản Nhà ở	355	11-Oct-21	11-Oct-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	BVS	355	355	Không	Không	0.3	978	2.84	T6-24
MB.2019.5Y.01	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	50	11-Oct-19	12-Oct-24	Thứ cấp	Không bảo đảm	MBB	50	30,650	Không	Không	10,726	104,214	8.49	T6-24
CIVCB2124001	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế Kỷ	Bất động sản Nhà ở	650	13-Oct-21	13-Oct-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	VND	650	650	Không	Không	1.6	2,721	1.37	T6-24
SSBH2124005	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ngân hàng	500	14-Oct-21	14-Oct-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	500	4,050	Không	Không	2,583	32,769	7.56	T6-24
TCSCH2124012	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	Tổ chức tài chính khác	500	15-Oct-21	15-Oct-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCSC	30	4,116	Không	Không	2,226	24,643	1.11	T6-24
BPWH2124001	CTCP Cấp thoát nước Bình Phước	Cung cấp nước và xử lý chất thải	120	15-Oct-21	15-Oct-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	BSI	36	36	Không	Không	14	201	1.5	T6-24
BIZCH2124002	CTCP Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Bất động sản Nhà ở	100	7-Dec-21	15-Oct-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	WISE	10	24	Không	Không	80	1,512	4.46	T12-23
BIZCH2124003	CTCP Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Bất động sản Nhà ở	138	23-Dec-21	15-Oct-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	WISE	14	24	Không	Không	80	1,512	4.46	T12-23
CPSCB2124002	Công ty TNHH Mặt Trời Cẩm Phả	Du lịch, nghỉ dưỡng	270	18-Oct-21	18-Oct-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	TCSC	270	381	Không	Không	-149	-243	-18.15	T6-24

\* Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

**Hình 13: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 10/2024 (tiếp theo)**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	Doanh nghiệp mới thành lập không có HDKD cốt lõi	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất *
TTEH2124001	CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh	Năng lượng	250	19-10-21	19-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	NSIC	250	250	Không	19-04-23	-17	294	2.9	T6-24
CII121029	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Cơ sở hạ tầng	500	21-10-21	21-10-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VSDC	500	5,414	Không	Không	444	9,332	2.82	T6-24
EWCH2124001	CTCP Eurowindow Holding	Vật liệu xây dựng	250	22-10-21	22-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	MAS	105	105	Không	Không	97	8,064	1.1	T6-24
HDB1924_04	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	10	23-10-19	24-10-24	Thứ cấp	Không bảo đảm	VND	10	41,275	Không	Không	6,465	52,826	10.82	T6-24
VHMB2124002	CTCP Vinhomes	Bất động sản Nhà ở	2,280	25-10-21	25-10-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCSC	2,280	25,870	Không	Không	11,620	206,932	1.38	T6-24
DRGCH2124004	CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	Xây dựng	500	25-10-21	25-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	ABW	500	6,784	Không	Không	-34	2,921	8.32	T6-24
VCB_BOND_RL06_2018_02	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng	101	26-10-18	26-10-24	Thứ cấp	Không bảo đảm	VCBS	51	9,847	Không	Không	16,711	181,703	9.49	T6-24
MVJCH2124001	CTCP Đầu tư địa ốc Mai Viên	Bất động sản Nhà ở	600	26-10-21	26-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	EVS	600	600	Không	Không	15	558	1.48	T6-24
DBICB2124001	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB	Bất động sản Nhà ở	1,360	26-10-21	26-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	VND	1,054	1,054	Không	Không	105	5,596	0.84	T6-24
VJCH2124005	CTCP Hàng không Vietjet	Vận tải	1,000	27-10-21	27-10-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDBS	1,000	22,000	Không	Không	834	16,518	4.58	T6-24
VC2H2122001	CTCP Đầu tư và Xây dựng Vina2	Xây dựng	150	27-10-21	27-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	EVS	117	227	Không	27-10-22	25	909	1.93	T6-24
DCACH2124001	CTCP Tập đoàn Đèo Cả	Xây dựng	200	28-10-21	28-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	EVS	200	200	Không	Không	390	10,806	3.1	T6-24
HPXH2123008	CTCP Đầu tư Hải Phát	Bất động sản Nhà ở	250	28-10-21	28-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	154	1,201	Không	28-04-23	47	3,623	1.69	T6-24
VIBBOND101924-001	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	60	28-10-19	29-10-24	Thứ cấp	Không bảo đảm	VND	60	20,708	Không	Không	3,684	38,350	10.2	T6-24
NAKCH2123001	CTCP Công nghệ Khải An	Dầu khí	120	6-11-21	30-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	BVS	120	120	Không	6-05-23	6	149	2.85	T12-22
HDCH2224001	CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	Bất động sản Nhà ở	30	31-10-22	31-10-24	Ưu tiên	Có bảo đảm	CTS	30	100	Không	Không	59	2,300	1.2	T6-24

\* Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

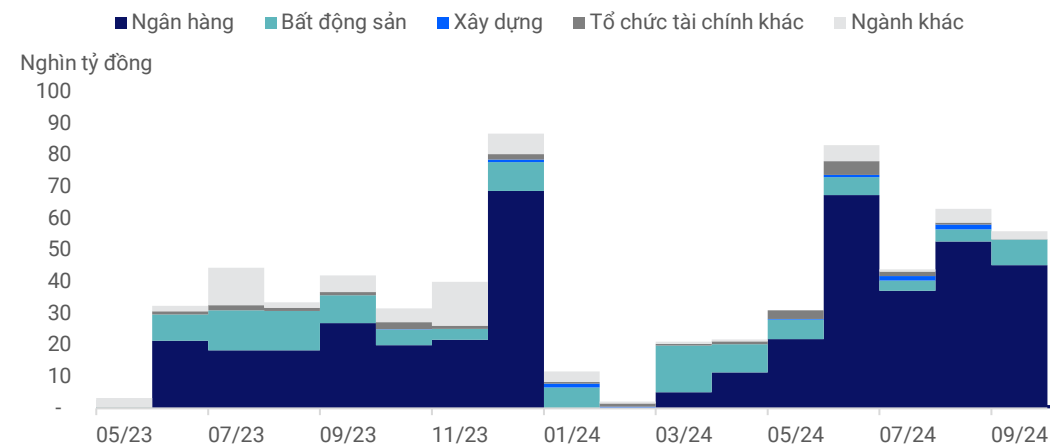


## Phát hành mới

Lượng phát hành trái phiếu mới trong tháng 09/2024 đạt 55.9 nghìn tỷ đồng, trong đó 80% là các trái phiếu ngân hàng

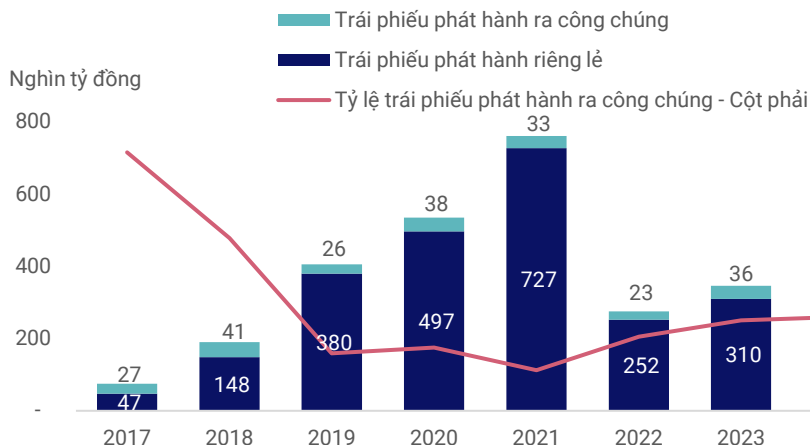
- Trong tháng 09/2024, lượng phát hành trái phiếu mới giảm xuống 55.9 nghìn tỷ đồng, từ mức 63 nghìn tỷ đồng trong tháng 08/2024. Các ngân hàng thương mại đã phát hành tổng cộng 45.2 nghìn tỷ đồng, tiếp tục chiếm phần lớn trong các đợt phát hành mới.
- Trong số các trái phiếu do các ngân hàng phát hành vào tháng 09/2024, 20% là trái phiếu thứ cấp đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2, được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bản Việt, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu vốn cấp 2 này có kỳ hạn trung bình 8 năm và lãi suất từ 5.2% đến 7.9% trong năm đầu tiên. Các trái phiếu khác là trái phiếu không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn 3 năm và lãi suất cố định từ 4.9% đến 6.0%.
- Cho đến cuối tháng 9/2024, 10% tổng lượng trái phiếu phát hành mới đến từ các đợt phát hành ra công chúng.

Hình 14: Trái phiếu phát hành mới hàng tháng theo nhóm ngành



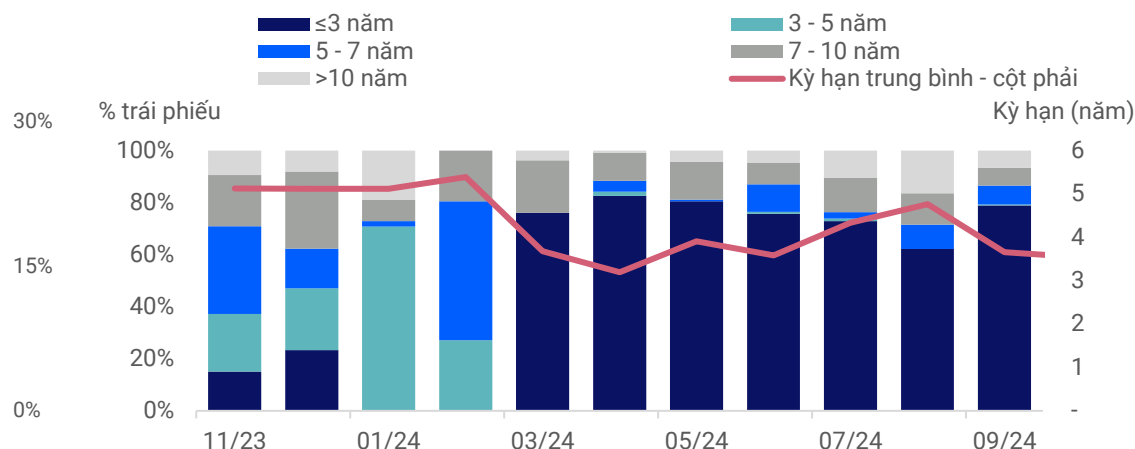
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 15: Phát hành mới riêng lẻ/ra công chúng qua các năm



Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 16: Cấu trúc kỳ hạn của các TPDN phát hành mới



Nguồn: Vietnam Investors Service

\* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 4 tháng 10 năm 2024, trừ khi có ghi chú khác  
 Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

## Hình 17: Danh sách phát hành mới tháng 9/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HĐKD cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)	Nguồn dữ liệu tài chính
TPBL2434014	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	230	5-09-24	5-09-34	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 6.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,390	HNX, Dữ liệu công ty
ACBL2427009	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	500	9-09-24	9-09-27	Cố định-12 tháng	5.70%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	21,240	HNX, Dữ liệu công ty
STBL2426001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Ngân hàng	2,000	9-09-24	9-09-26	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 6.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 6T + 0.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	3,500	HNX, Dữ liệu công ty
TPBL2434015	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	230	9-09-24	9-09-34	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 6.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,390	HNX, Dữ liệu công ty
BIDLH2432039	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	13	9-09-24	9-09-32	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 5.9% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	29,044	HNX, Dữ liệu công ty
BIDLH2431038	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	100	9-09-24	9-09-31	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 5.8% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 1.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	BID	Riêng lẻ	Không	29,044	HNX, Dữ liệu công ty
MSBL2427008	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Ngân hàng	1,000	10-09-24	10-09-27	Cố định-12 tháng	5.30%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	14,800	HNX, Dữ liệu công ty
OCBL2427013	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	10-09-24	10-09-27	Cố định-12 tháng	5.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,950	HNX, Dữ liệu công ty
TPBL2434016	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	22	10-09-24	10-09-34	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 6.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,390	HNX, Dữ liệu công ty
CTGL2439011	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	850	10-09-24	10-09-39	Cố định-12 tháng	6.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	17,967	HNX, Dữ liệu công ty
BVB2430001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Ngân hàng	1,469	10-09-24	10-09-30	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 7.9% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.5%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Đại chúng	Không	1,469	HNX, Dữ liệu công ty
TPBL2434017	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	230	11-09-24	11-09-34	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 6.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,390	HNX, Dữ liệu công ty
CTGL2434012	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	2,000	11-09-24	11-09-34	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 6.1% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 1.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	17,967	HNX, Dữ liệu công ty
PDACB2425001	Công ty Đầu tư và Phát triển Bất động sản Phát Đạt	Bất động sản Nhà ở	3,490	12-09-24	12-09-25	Cố định-3 tháng	12.00%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	3,490	Các nguồn khác
TLOCB2425001	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Trường Lộc	Bất động sản Nhà ở	1,910	12-09-24	12-09-25	Cố định-3 tháng	12.00%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	1,910	Các nguồn khác
OCBL2427014	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	2,500	12-09-24	12-09-27	Cố định-12 tháng	5.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,950	HNX, Dữ liệu công ty
TPBL2434018	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	89	13-09-24	13-09-34	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 6.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,390	HNX, Dữ liệu công ty
LPBL2431002	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Ngân hàng	420	13-09-24	24-09-31	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 7.6% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	12,070	HNX, Dữ liệu công ty

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

**Hình 17: Danh sách phát hành mới tháng 9/2024 (tiếp theo)**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HĐKD cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH	Nguồn dữ liệu tài chính
														(tỷ đồng)	
TDGH2427001	CTCP Đầu tư TDG GLOBAL	Dầu khí	100	13-09-24	13-09-27	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:12.5% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 4.5%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	100	HNX, Dữ liệu công ty
LPBL2431002	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Ngân hàng	420	13-09-24	24-09-31	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu: 7.6% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	12,070	HNX, Dữ liệu công ty
BMSH2425002	CTCP Chứng khoán Bảo Minh	Tổ chức tài chính khác	150	16-09-24	16-09-25	Cố định-12 tháng	10.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	BMS	Riêng lẻ	Không	410	Các nguồn khác
TLPCH2427002	CTCP Nhiệt điện Thăng Long	Năng lượng	900	16-09-24	16-09-27	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:10% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 3.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	ABS	Riêng lẻ	Không	1,800	Các nguồn khác
HDBL2432014	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1,000	17-09-24	17-09-32	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:7.5% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	31,400	HNX, Dữ liệu công ty
HDBL2427013	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	500	17-09-24	17-09-27	Cố định-12 tháng	5.20%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	31,400	HNX, Dữ liệu công ty
VIBL2427004	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2,000	17-09-24	17-09-27	Cố định-12 tháng	5.20%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	16,500	HNX, Dữ liệu công ty
XKSCH2429001	Công ty TNHH Đảo Ngọc Xanh Kỳ Sơn	Bất động sản Nhà ở	1,200	19-09-24	19-09-29	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:12.5% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 4.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDBS	Riêng lẻ	Không	1,200	Các nguồn khác
TTCCH2428001	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	Sản phẩm nông nghiệp	200	20-09-24	20-09-28	Cố định-3 tháng	10.90%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	Shinhan	Riêng lẻ	Không	470	Các nguồn khác
HDBL2427015	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1,000	25-09-24	25-09-27	Cố định-12 tháng	5.60%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	31,400	HNX, Dữ liệu công ty
TPBL2427019	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	1,300	25-09-24	25-09-27	Cố định-12 tháng	4.90%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,390	HNX, Dữ liệu công ty
ACBL2426010	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	2,000	25-09-24	25-09-26	Cố định-12 tháng	4.90%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	21,240	HNX, Dữ liệu công ty
STBL2426002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Ngân hàng	1,500	26-09-24	26-09-26	Cố định-12 tháng	6.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	3,500	HNX, Dữ liệu công ty
TPBL2427020	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	1,700	26-09-24	26-09-27	Cố định-12 tháng	4.90%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,390	HNX, Dữ liệu công ty
OCBL2427017	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	26-09-24	26-09-27	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:5.5% Các năm sau: Lãi tiền gửi 6T + 0.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,950	HNX, Dữ liệu công ty
OCBL2427016	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,900	26-09-24	26-09-27	Cố định-12 tháng	5.30%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,950	HNX, Dữ liệu công ty
OCBL2427015	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	26-09-24	26-09-27	Cố định-12 tháng	5.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,950	HNX, Dữ liệu công ty
TCBL2427010	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng	2,000	26-09-24	26-09-27	Cố định-12 tháng	5.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCSC	Riêng lẻ	Không	45,000	HNX, Dữ liệu công ty

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

**Hình 17: Danh sách phát hành mới tháng 9/2024 (tiếp theo)**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HĐKD cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH	Nguồn dữ liệu tài chính
														(tỷ đồng)	
HDBL2427016	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	2,000	27-09-24	27-09-27	Cố định-12 tháng	5.40%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	31,400	HNX, Dữ liệu công ty
HDBL2423017	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1,000	27-09-24	27-09-32	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:5.5% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	31,400	HNX, Dữ liệu công ty
VIBL2427005	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2,000	27-09-24	27-09-27	Cố định-12 tháng	5.10%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	16,500	HNX, Dữ liệu công ty
TCBL2426014	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng	2,700	27-09-24	27-09-26	Cố định-12 tháng	5.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCSC	Riêng lẻ	Không	45,000	HNX, Dữ liệu công ty
TCBL2427011	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng	2,000	27-09-24	27-09-27	Cố định-12 tháng	5.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCSC	Riêng lẻ	Không	45,000	HNX, Dữ liệu công ty
TCBL2427013	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng	1,000	27-09-24	27-09-27	Cố định-12 tháng	5.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCSC	Riêng lẻ	Không	45,000	HNX, Dữ liệu công ty
TCBL2427012	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng	2,000	27-09-24	27-09-27	Cố định-12 tháng	5.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCSC	Riêng lẻ	Không	45,000	HNX, Dữ liệu công ty
VJCH2429002	CTCP Hàng không Vietjet	Vận tải	1,000	30-09-24	30-09-29	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:11% Các năm sau: Lãi tiền gửi 13T + 4.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDBS	Riêng lẻ	Không	6,000	HNX, Dữ liệu công ty
HDBL2427018	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	2,000	30-09-24	30-09-27	Cố định-12 tháng	5.60%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	31,400	HNX, Dữ liệu công ty
RESCH2426001	CTCP Đầu tư và phát triển Residence	Bất động sản Nhà ở	660	30-09-24	30-09-26	Cố định-6 tháng	11.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDBS	Riêng lẻ	Yes	660	Các nguồn khác
PKACH2431001	CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Vật liệu xây dựng	320	30-09-24	30-09-31	Cố định-6 tháng	8.20%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	1,220	Các nguồn khác
AHBCH2429001	Công ty TNHH Aqua City Hòa Bình	Bất động sản Nhà ở	400	30-09-24	30-09-29	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:12% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 4.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDBS	Riêng lẻ	Yes	1,000	Các nguồn khác
SGRCH2426001	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Nhà Sài Gòn	Bất động sản Nhà ở	340	30-09-24	30-09-26	Cố định-6 tháng	11.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Yes	340	Các nguồn khác

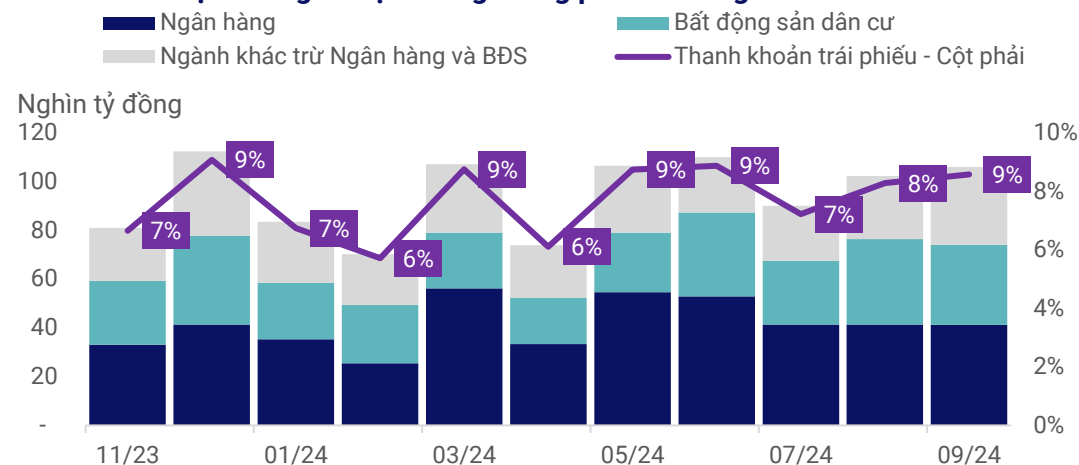
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

## Thị trường thứ cấp

Thanh khoản trên thị trường thứ cấp tăng trong tháng 9/2024 so với tháng 8/2024

- Trong tháng 09/2024, thanh khoản thị trường (tổng giá trị giao dịch / tổng số trái phiếu lưu hành) tăng lên mức 9%.
- Trái phiếu do nhóm Ngân hàng và Bất động sản phát hành chiếm khoảng 80% khối lượng giao dịch trong tháng, với kỳ hạn giao dịch chủ yếu trong khoảng 1 đến 3 năm.
- Trong tháng 09/2024, lợi suất trung bình của trái phiếu ngân hàng có chất lượng tín dụng “Trên trung bình” duy trì ổn định so với tháng trước trên hầu hết các kỳ hạn.

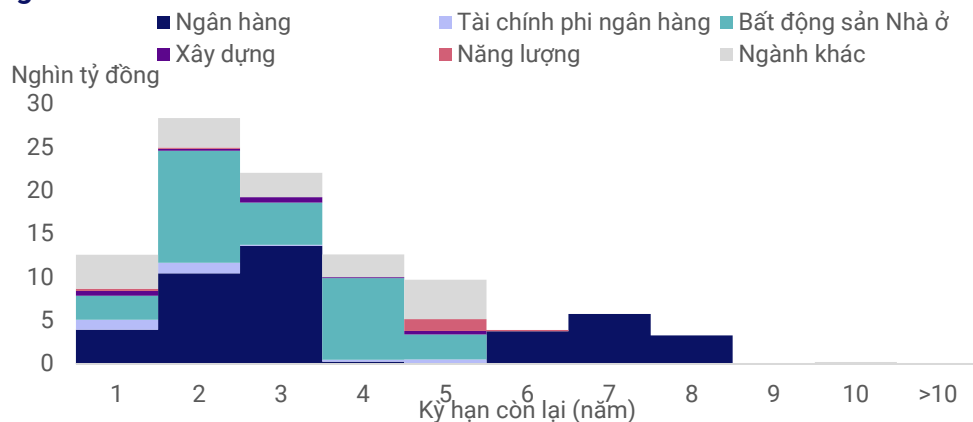
**Hình 18: Giá trị TPDN giao dịch hàng tháng phân theo ngành**



Ghi chú: Chúng tôi tính toán thanh khoản thị trường dựa trên khối lượng giao dịch trong tháng / tổng giá trị TPDN lưu hành tại tháng đó

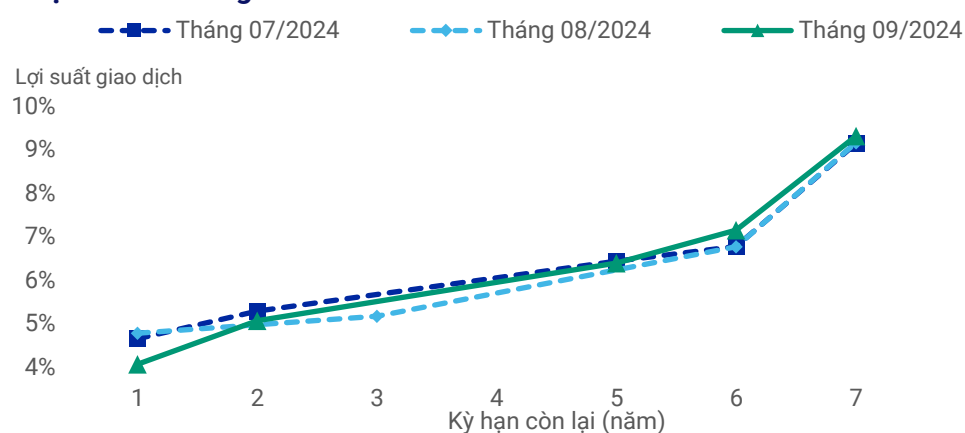
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

**Hình 19: Giá trị TPDN giao dịch trong tháng 09/2024 phân theo kỳ hạn và ngành**



Source: HNX, Vietnam Investors Service

**Hình 20: Lợi suất giao dịch bình quân các trái phiếu Ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên Trung bình”<sup>1</sup>**



Ghi chú: Lợi suất giao dịch trung bình ước tính từ các giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ và trái phiếu phát hành ra công chúng trong tháng, loại trừ dữ liệu từ các giao dịch của trái phiếu chuyển đổi

<sup>1</sup> Tham khảo [Thang điểm xếp hạng tín nhiệm - VIS Rating](#)

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

© 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM ("VIS RATING"). Đã đăng ký bản quyền.

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING LÀ CÁC QUAN ĐIỂM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI VỀ RỦI RO TÍN NHIỆM TƯƠNG ĐỐI TRONG TƯƠNG LAI CỦA CÁC TỔ CHỨC, NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC HOẶC VỀ BÊN PHÁT HÀNH CỦA CÁC LOẠI NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC ĐÓ TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN DO VIS RATING CÔNG BỐ (GỌI CHUNG LÀ "CÁC ẢN PHẨM") CÓ THỂ BAO GỒM CÁC QUAN ĐIỂM NHƯ VẬY. VIS RATING ĐỊNH NGHĨA RỦI RO TÍN DỤNG LÀ RỦI RO MÀ MỘT TỔ CHỨC KHÔNG THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG KHI CHÚNG ĐẾN HẠN VÀ BẤT KỶ TỔN THẤT TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH NÀO TRONG TRƯỜNG HỢP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC LỖ DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ. VUI LÒNG THAM KHẢO ẢN PHẨM VỀ CÁC KỶ HIỆU XẾP HẠNG VÀ ĐỊNH NGHĨA CỦA VIS RATING ĐỂ XEM CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING. BÊN CẠNH NHỮNG RỦI RO CƠ BẢN CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM (BAO GỒM NGHỊ ĐỊNH 88/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM) VỀ DỊCH VỤ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM TÙY TỪNG THỜI ĐIỂM, XẾP HẠNG TÍN NHIỆM KHÔNG GIẢI QUYẾT BẤT KỶ RỦI RO NÀO KHÁC, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG HOẶC BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ KHÔNG PHẢI VỀ TÍN NHIỆM ("CÁC ĐÁNH GIÁ"), VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC NẾU TRONG CÁC ẢN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ DỮ KIẾN HIỆN TẠI HOẶC QUÁ KHỨ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẢN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO VÀ KHÔNG CẤU THÀNH VÀ KHÔNG CUNG CẤP LỜI KHUYÊN ĐẦU TƯ HOẶC TÀI CHÍNH, VÀ CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẢN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ VÀ KHÔNG CUNG CẤP KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ, GÓP VỐN, MUA, BÁN HOẶC GIỮ BẤT KỶ CÔNG CỤ NỢ HOẶC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỤ THỂ NÀO. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẢN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG BÌNH LUẬN VỀ TÍNH THÍCH HỢP CỦA VIỆC ĐẦU TƯ CHO BẤT KỶ NHÀ ĐẦU TƯ NÀO. VIS RATING ĐƯA RA XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG BỐ CÁC ẢN PHẨM VỚI KỶ VỌNG VÀ HIỂU BIẾT RẰNG MỖI NHÀ ĐẦU TƯ SẼ, VỚI SỰ CẦN TRỌNG CẦN THIẾT, TỰ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ MỖI CHỨNG KHOÁN HOẶC CÔNG CỤ NỢ MÀ HỌ ĐANG XEM XÉT MUA, BÁN HOẶC GIỮ.

CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC, VÀ ẢN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP SỬ DỤNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC HOẶC ẢN PHẨM CỦA VIS RATING KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG CẦN TRỌNG VÀ KHÔNG PHÙ HỢP. NẾU KHÔNG CHẮC CHẮN, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI CỐ VẤN TÀI CHÍNH HOẶC CỐ VẤN CHUYÊN NGHIỆP KHÁC CỦA BẠN.

TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (BAO GỒM CẢ THÔNG TIN CỦA VIS RATING VÀ/HOẶC CÁC BÊN THỨ BA ĐÃ LI XĂNG CHO VIS RATING ĐƯỢC TÍCH HỢP CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY ("CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING")) ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO VỆ, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, VÀ KHÔNG MỘT THÔNG TIN NÀO, HOẶC MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ THÔNG TIN ĐÓ, ĐƯỢC SAO CHÉP, HOẶC BẰNG CÁCH KHÁC TẠO BẢN SAO, ĐÓNG GÓI LẠI, TRUYỀN DẪN, CHUYỂN NHƯỢNG, PHÁT TÁN, PHÂN PHỐI, PHÂN PHỐI LẠI HOẶC BÁN LẠI, HOẶC LƯU TRỮ LẠI ĐỂ SỬ DỤNG VỀ SAU CHO BẤT KỶ MỤC ĐÍCH NÀO NHƯ VỪA NÊU, DƯỚI BẤT KỶ DẠNG NÀO HOẶC CÁCH THỨC NÀO HOẶC PHƯƠNG TIỆN NÀO, BỞI BẤT KỶ NGƯỜI NÀO MÀ KHÔNG CÓ SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC BẰNG VĂN BẢN CỦA VIS RATING HOẶC CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẢN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BẤT KỶ BÊN NÀO NHƯ LÀ MỘT TIÊU CHUẨN VÌ KHÁI NIỆM NÀY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO BẤT CỨ CÁCH NÀO MÀ CÓ THỂ DẪN TỚI VIỆC CHÚNG ĐƯỢC XEM NHƯ LÀ CÁC TIÊU CHUẨN.

Tất cả các thông tin được VIS Rating thu thập từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do có khả năng xảy ra lỗi của con người hoặc máy móc cũng như các yếu tố khác, tất cả các thông tin tại đây được cung cấp trên cơ sở "NGUYÊN TRẠNG" mà không có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. VIS Rating tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các thông tin chúng tôi sử dụng trong xếp hạng tín nhiệm có chất lượng và từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng đáng tin cậy bao gồm, khi thích hợp, các nguồn từ bên thứ ba độc lập. Tuy nhiên, VIS Rating không phải là công ty kiểm toán và không thể đọc lập xác minh hoặc xác nhận các thông tin nhận được tại mọi thời điểm trong quá trình xếp hạng hoặc chuẩn bị các ản Phẩm của mình.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, là hậu quả hoặc là tổn thất, thiệt hại ngẫu nhiên nào phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không có khả năng sử dụng bất kỳ thông tin nào tại đây, ngay cả khi VIS Rating hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng hoặc nhà cung cấp của VIS Rating đã được tư vấn trước về khả năng xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đó, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) mất lợi nhuận hiện tại hoặc dự kiến hoặc (b) các tổn thất và thiệt hại phát sinh khi các công cụ tài chính liên quan không phải là đối tượng của một xếp hạng tín nhiệm cụ thể do VIS Rating đánh giá.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kể tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc có tính chất bồi thường gây ra cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự bất cẩn (nhưng ngoại trừ gian lận, cố tình làm sai hoặc các loại trách nhiệm khác mà, để tránh hiểu lầm, không thể bị loại trừ theo quy định pháp luật), của, hoặc do bất kỳ sự kiện bất ngờ trong hoặc ngoài khả năng kiểm soát của VIS Rating, hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp của VIS Rating, phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các thông tin đó.

KHÔNG CÓ BẤT KỶ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, ĐỐI VỚI SỰ CHÍNH XÁC, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, TÍNH HOÀN CHỈNH, KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO BẤT KỶ MỤC ĐÍCH NÀO CỦA BẤT KỶ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, QUAN ĐIỂM HOẶC THÔNG TIN KHÁC ĐƯỢC VIS RATING ĐƯA RA HOẶC TẠO RA DƯỚI BẤT KỶ HÌNH THỨC HOẶC CÁCH THỨC NÀO.

VIS RATING CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ/HOẶC THAY ĐỔI CÁC ẢN PHẨM CỦA MÌNH TẠI BẤT KỶ THỜI ĐIỂM NÀO, VÌ BẤT KỶ LÝ DO GÌ. TUY NHIÊN, VIS RATING KHÔNG (VÀ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH) CAM KẾT CÓ NGHĨA VỤ CÔNG BỐ VIỆC BỔ SUNG, CẬP NHẬT HOẶC SỬA ĐỔI CÁC ẢN PHẨM CỦA MÌNH TRONG TƯƠNG LAI. NGƯỜI DÙNG TỰ CHỊU RỦI RO TRONG VIỆC SỬ DỤNG VÀ/HOẶC DỰA VÀO CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC VÀ ẢN PHẨM CỦA VIS RATING.

VIS Rating duy trì các chính sách và quy trình để đảm bảo sự độc lập trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating và các quy trình xếp hạng tín nhiệm. Thông tin liên quan đến, bên cạnh các thông tin khác, các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating, bất kỳ thay đổi về tỷ lệ sở hữu nào của các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating và danh sách các tổ chức được xếp hạng với phí dịch vụ xếp hạng tín nhiệm chiếm trên 5% tổng doanh thu hoạt động xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating trong năm tài chính liền trước thời điểm công bố thông tin, được đăng tải tại <https://visrating.com> dưới tiêu đề "Thông Tin Doanh Nghiệp".